

Số: /QĐ-SYT Bắc Ninh, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Cấp mới Giấy phép hành nghề
khám bệnh, chữa bệnh đợt 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản họp ngày 09/02/2026 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho **26** cá nhân đủ điều kiện (*Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm*).

Điều 2. Các cá nhân được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Trưởng các Phòng thuộc Sở và các cá nhân có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 ;
- Ban Giám đốc SYT (để b/c) ;
- Các đơn vị trực thuộc SYT ;
- Các cơ sở KBCB tư nhân ;
- Công TTĐT SYT (đăng tải) ;
- Lưu VT, QLHN.

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Hương



Phụ lục 1
DANH SÁCH CẤP MỚI GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
ĐỢT 06 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày /02/2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	14/12/2000	024300006401	04/12/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001146/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
2	NGÔ THỊ HOÀI	25/03/1998	027198004802	10/09/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001147/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
3	TRẦN THỊ KIM PHƯƠNG	06/01/2000	079300017316	10/02/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001148/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
4	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	17/12/2003	034303006691	26/08/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001149/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
5	CAO THỊ QUẾ ANH	06/04/2002	027302001675	25/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Dinh dưỡng lâm sàng	Dinh dưỡng lâm sàng	001150/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
6	NGUYỄN ĐĂNG NGHĨA	20/11/2002	027202008681	26/03/2025	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001151/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
7	TRẦN XUÂN BẮC	17/02/2000	024200000199	22/02/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	001152/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
8	ĐÀM THUẬN DŨNG	26/12/1990	027090004966	01/05/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001153/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
					trật tự xã hội						đầu
9	NGUYỄN THỊ KIỀU ANH	28/03/1966	027166002195	25/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Y học cổ truyền	001154/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
10	ĐÀM MINH KHÁNH	02/09/2004	024204001900	11/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Kỹ thuật y	Phục hồi chức năng	001155/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
11	HÀ THỊ CỬU	08/08/1983	027183006364	09/10/2024	Bộ Công an	Y sĩ	Y học cổ truyền	001156/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
12	MÀO PHƯƠNG THANH	07/05/2004	012304001005	25/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001157/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
13	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	08/04/1991	001191020111	18/12/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001158/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
14	NGUYỄN THỊ THU THẢO	19/10/1999	024199011252	27/12/2024	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	001159/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
15	NGUYỄN DIỆU THU	17/06/2001	027301000570	26/09/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001160/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
16	NGHIÊM ĐÌNH KIÊN	19/06/2004	027204002241	14/04/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Y sĩ	Đa khoa	001161/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
17	ĐỖ THỊ THU HƯƠNG	10/05/1995	026195010540	12/08/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y học dự phòng	001162/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
18	PHẠM THỊ HIỀN	04/09/2000	027300001818	18/08/2025	Bộ Công an	Y sĩ	Đa khoa	001163/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
19	NGUYỄN MINH ĐỨC	30/10/1998	024098010680	09/06/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001164/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
20	LÊ CHÍ HIẾU	01/02/2000	027200005546	14/01/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001165/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
21	NGUYỄN THỊ THƠM	05/05/1992	024192011564	03/03/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y khoa	001166/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
22	LÊ THỊ PHƯƠNG LAN	10/03/2000	001300004856	20/03/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	001167/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
23	HOÀNG NGỌC DŨNG	20/07/1989	027089010328	19/02/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y học gia đình	001168/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới sau thu hồi
24	TẠ THỊ NGÂN	10/11/1993	015193008537	10/05/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Bác sĩ	Y học dự phòng	001169/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
25	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	01/02/1995	001195032246	12/06/2022	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001170/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu
26	ĐẶNG THỊ TRÀ GIANG	18/08/2003	027303010748	17/05/2021	Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội	Điều dưỡng	Điều dưỡng	001171/BN-GPHN	11/02/2026	11/02/2031	Cấp mới lần đầu